

Số: **22** /GPMT-SNNMT-CCBVMT-KV1 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 365/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đổi tên cơ quan quản lý của Chi cục Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;



Thị

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở “Bệnh viện Trung Vương” tại số 266 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10 (nay là phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh), kiểm tra ngày 02 tháng 4 năm 2025;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 1092/BVTV-HCQT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Trung Vương về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Bệnh viện Trung Vương” tại số 266 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10 (nay là phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh) và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tại Phiếu trình số *AA* /TTr-CCBVM-TKV1-TPMT ngày *AA* tháng *7* năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện Trung Vương, địa chỉ trụ sở chính tại số 266 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10 (nay là phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Trung Vương” tại số 266 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10 (nay là phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Trung Vương.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 266 Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Bệnh viện Trung Vương trực thuộc Sở Y tế được thành lập tại Quyết định số 6374/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số: 01371/HCM-GPHĐ do Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 10 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0301268498.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bệnh viện đa khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

Thư

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.
- Tổng diện tích khu đất của cơ sở: 29.466 m².
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí phân loại dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công trình thuộc phạm vi cấp phép: công trình hiện hữu tại bệnh viện (chưa bao gồm khối nhà A), gồm 10 phòng ban, 21 khoa lâm sàng và 08 khoa cận lâm sàng, số giường bệnh 700 giường và các hạng mục công trình phụ trợ (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Chủ cơ sở).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Trung Vương

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Bệnh viện Trung Vương có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép xem xét, giải quyết; thực hiện thủ tục cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Bệnh viện Trung Vương, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ cơ sở thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Bệnh viện Trung Vương có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản ...(nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi, hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và quy định khác liên quan.

Điều 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Ủy ban nhân dân phường Diên Hồng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Bệnh viện Trung Vương;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân Thành phố (để báo cáo);
- Sở Y tế;
- UBND phường Diên Hồng;
- Trang thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, CCBVMT.MCh.04.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Nhựt

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số**22**.../GPMT-SNNMT-CCBVMT-KV1*
ngày 15. tháng 11. năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nhà vệ sinh, bồn rửa tay, nước thoát sàn, tắm giặt) phát sinh từ hoạt động của công nhân viên, bệnh nhân, thân nhân thăm nuôi tại bệnh viện.
- Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ căn tin, nhà ăn của bệnh viện.
- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình rửa ngược bồn lọc áp lực.
- Nguồn số 05: Nước thải từ hệ thống lọc RO.
- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình vệ sinh sàn, vệ sinh thùng rác khu vực lưu chứa chất thải rắn.

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải gồm: pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải sau xử lý thoát ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Tô Hiến Thành, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí đầu nối xả thải: số 531 Tô Hiến Thành, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°): X (m) = 1.191.345; Y (m) = 599.291.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.000 m³/ngày.đêm (theo công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải, lưu lượng xả thải trung bình khoảng 850

m³/ngày đêm).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³	-	Được miễn theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ
2	Nhiệt độ	°C			
3	pH	-	6,5 – 8,5		
4	TSS	mg/l	100		
5	COD	mg/l	100		
6	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	3 tháng/lần (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ)	Không áp dụng
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
8	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
9	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
11	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20		
12	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		
13	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
15	Vibro cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

– Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh qua các bể tự hoại (27 bể, tổng thể tích các bể là 400 m³) sau đó theo đường ống PVC có đường kính D42 mm – D60 mm dẫn về hố ga thu gom nước thải; nước thải từ bồn rửa tay, nước thoát sàn, tắm giặt theo đường ống PVC có đường kính D114 mm – D140 mm dẫn về hố ga thu gom; nước thải từ hố ga thu gom chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để tiếp tục xử lý.

– Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh được thu gom theo đường ống PVC có đường kính D42 mm – D60 mm dẫn về hố ga thu gom; nước thải từ hố ga thu gom chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để tiếp tục xử lý.

– Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ căn tin, nhà ăn của bệnh viện được thu gom qua bể tách mỡ (01 bể có thể tích 2,8 m³); nước thải sau bể tách mỡ chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để tiếp tục xử lý.

– Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình rửa ngược bồn lọc áp lực được thu gom theo đường ống PVC đường kính D100 mm dẫn về hệ thống xử lý nước

thải tập trung của bệnh viện để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải từ hệ thống lọc RO được thu gom theo đường ống PVC đường kính D27 - D60 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để tiếp tục xử lý

- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình vệ sinh sàn, vệ sinh thùng rác khu vực lưu chứa chất thải rắn được thu gom theo đường ống PVC đường kính D60 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nước thải từ nhà vệ sinh → bể tự hoại; nước thải từ nhà ăn → Bể tách dầu mỡ; nước thải khác) → Hàm bơm → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học tiếp xúc hiếu khí → Bể lắng bùn → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (hệ thống thoát nước chung trên đường Tô Hiến Thành).

- Công suất thiết kế: 1.000 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH hoặc H₂SO₄, mật ri đường, dung dịch khử trùng Chlorine, vi sinh vật hiếu khí.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

Cơ sở cam kết sẽ lắp đặt 01 hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục cho hệ thống xử lý nước thải của cơ sở (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp Sở Nông nghiệp và Môi trường chậm nhất trước ngày 30 tháng 8 năm 2025 (theo văn bản số 1077/BVTV-HCQT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Trưng Vương về việc cam kết thời gian thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải.

- Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải định kỳ theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà sản xuất.

- Kiểm tra định kỳ hàng ngày hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, ghi sổ vận hành theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống.

xử lý nước thải. Sau khi kiểm tra hệ thống, tiến hành bổ sung pha hóa chất và châm hóa chất khử trùng.

– Vận hành thường xuyên, kiểm tra và giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý môi trường để sớm phát hiện sự cố, có biện pháp khắc phục kịp thời. Tổ chức các buổi tập huấn về cách thức vận hành hệ thống xử lý nước thải cho các bộ vận hành trực tiếp hệ thống.

– Trường hợp nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, đội ngũ vận hành lập tức điều chỉnh quy trình vận hành, đưa dòng nước thải sau xử lý về lại bể điều hòa để tiến hành kiểm tra và khắc phục sự cố.

– Trường hợp trạm quan trắc tự động ngừng hoạt động do sự cố, nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân để khắc phục, thay thế các thiết bị hư hỏng. Trong trường hợp thời gian khắc phục, sửa chữa quá 02 ngày cần có văn bản báo cáo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường kế hoạch khắc phục cụ thể.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại khoản 4, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A, Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống cống thoát nước chung trên đường Tô Hiến Thành); xây dựng hố ga đầu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Phải hoàn thành việc lắp đặt 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục cho hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu đến Sở Nông nghiệp và Môi trường

chậm nhất trước ngày 30 tháng 8 năm 2025 (theo văn bản số 1077/BVTV-HCQT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Trung Vương về việc cam kết thời gian thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục).

Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số**22**.../GPMT-SNNMT-CCBVMT-KV1
ngày **15** tháng **1** năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải****1.1. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải không hệ thống xử lý**

- Nguồn số 01: Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng số 01 của bệnh viện, công suất 560 kVA.
- Nguồn số 02: Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng số 02 của bệnh viện, công suất 1.000 kVA.
- Nguồn số 03: Khí thải và mùi từ hệ thống xử lý nước thải, công suất hệ thống xử lý nước thải 1.000 m³/ngày đêm.

1.2. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải có hệ thống xử lý: không có.**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

2.1 Vị trí xả khí thải: Bệnh viện Trung Vương tại số 266 đường Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01: tương ứng với ống khói thải của máy phát điện dự phòng số 01, công suất 560 kVA; tọa độ vị trí xả thải: X (m) = 1.191.147; Y (m) = 599.177.
- Dòng khí thải số 02: tương ứng với ống khói thải của máy phát điện dự phòng số 02, công 1.000 kVA; tọa độ vị trí xả thải: X (m) = 1.191.252; Y (m) = 599.396.
- Dòng khí thải số 03: tương ứng với ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải; tọa độ vị trí xả thải: X (m) = 1.191.277; Y (m) = 599.352.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰45', mũi chiếu 3⁰).

2.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 17.550 m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả thải lớn nhất là 5.850 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả thải lớn nhất là 10.450 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả thải lớn nhất là 1.250 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

– Dòng số 01: Bụi và khí thải xả ra môi trường từ ống khói của máy phát điện dự phòng số 01 công suất 560 kVA, xả gián đoạn, chỉ xả khi sử dụng máy phát điện.

– Dòng số 02: Bụi và khí thải xả ra môi trường từ ống khói của máy phát điện dự phòng số 02 công suất 1.000 kVA, xả gián đoạn, chỉ xả khi sử dụng máy phát điện.

– Dòng số 03: Mùi và khí thải xả ra môi trường từ ống thoát của hệ thống xử lý mùi, xả liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

– Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (dòng khí thải số 01, 02) chỉ xả gián đoạn trong trường hợp có sự cố mất điện, không yêu cầu có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng cho các thiết bị này phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

– Chất lượng mùi, khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 1, K_v = 0,6), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tuần suất quan trắc định kỳ	Tuần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	30	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại
2	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	4,5		

3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	15	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)	Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)
---	--------------------------------------	--------------------	----	--	--

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

– Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh tại máy phát điện dự phòng 01 công suất 560 kVA, thoát ra môi trường theo ống thoát khí thải đường kính 300mm, chiều cao 5m tính từ mặt đất.

– Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh tại máy phát điện dự phòng 02 công suất 1.000 kVA, thoát ra môi trường theo ống thoát khí thải đường kính 480mm, chiều cao 5m tính từ mặt đất.

– Nguồn số 03: Khí thải sau khi qua tháp xử lý mùi thoát ra môi trường theo đường ống thoát khí đường kính 90 mm, chiều cao 8m tính từ mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: Không có

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

– Đảm bảo vận hành thường xuyên và theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.

– Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị, kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục, sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.

– Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thông gió như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng

– Theo dõi, giám sát hoạt động của máy phát điện dự phòng. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại Cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,6$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số**22**.../GPMT-SNNMT-CCBVMT-KV1
ngày 15 tháng 1 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 01, công suất 560 kVA.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 02, công suất 1.000 kVA.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.000 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống làm lạnh, máy lạnh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X (m) = 1.191.147; Y(m) = 599.177.
- Nguồn số 02: Tọa độ X (m) = 1.191.252; Y(m) = 599.396.
- Nguồn số 03: Tọa độ X (m) = 1.191.270; Y(m) = 599.392.
- Nguồn số 04: Tọa độ X (m) = 1.191.085; Y(m) = 599.325.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	60	55	Không	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy phát điện sẽ được đặt trong phòng cách âm, khu vực riêng, riêng biệt với khối nhà chức năng.
- Vận hành theo đúng chỉ dẫn của nhà sản xuất. Lựa chọn nguyên liệu có hàm lượng lưu huỳnh và cacbon thấp.
- Thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo dưỡng máy móc để đảm bảo luôn hoạt động hiệu quả..
- Sử dụng nhiên liệu đúng tiêu chuẩn quy định loại máy và có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- Thiết bị máy móc của trạm xử lý nước thải được lắp đặt trong nhà điều hành (phòng kín), cách âm, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.

PHỤ LỤC 4



**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số**22**...../GPMT-SNNMT-CCBVMT-KV1
ngày **15** tháng **7** năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng tối đa đề nghị cấp phép (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực).	08 02 04	100
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	200
3	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	10
4	Pin, ac-quy thải	16 01 12	250
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	300
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	150
7	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	300

Thư

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng tối đa đề nghị cấp phép (kg/năm)
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác (như composite)	18 02 01	1.500
Tổng cộng			2.810

1.2 Khối lượng, chủng loại chất thải y tế lây nhiễm phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng tối đa đề nghị cấp phép (kg/năm)
1	- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn; - Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn; - Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao; - Chất thải giải phẫu.	Rắn/lỏng	13 01 01	70.000
Tổng cộng				70.000

1.3 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

1.3.1 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	Rắn	15.000
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất thải không phải là CTNH)	Rắn	25.000

Thư

3	Bao bì thủy tinh (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	2.000
4	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	Rắn	250
5	Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composite)	Rắn	1.000
Tổng cộng (kg/năm)			43.250

1.3.2 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ bể tự hoại	-	60.000
2	Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	12 06 11	2.050
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	10.000
Tổng cộng (kg/năm)			72.050

1.4 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 600 tấn/năm.

1.5 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công kênh: chất thải công kênh tại bệnh viện phát sinh khoảng 2.610 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 07 thùng có dung tích 240 lít để lưu chứa 07 mã chất thải nguy hại. Bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư

07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên y tế của Bộ Y tế.

Đối với than hoạt tính trong tháp xử lý khí, vật liệu lọc trong bồn lọc áp lực phát sinh từ quá trình xử lý nước thải khi tiến hành thay thế định kỳ sẽ chuyển giao xử lý tại thời điểm phát sinh, không đưa về kho lưu chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Phòng lưu chứa:

- Diện tích: 01 kho có diện tích 20 m².
- Vị trí: tầng trệt, phía sau Khoa Nội tiêu hóa.
- Thiết kế, cấu tạo: có mái che, nền gạch chống thấm; có bố trí vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn chất thải nguy hại ở dạng lỏng; có biển cảnh báo và dán nhãn, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị 26 thùng có dung tích thùng 240 lít có nắp đậy, dán ký hiệu chất thải lây nhiễm, tại khu vực lưu chứa chất thải lây nhiễm tập trung. Trên thùng được dán ký hiệu cảnh báo theo Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế của Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 29 m².
- Vị trí kho: tầng trệt giáp mặt đường Tô Hiến Thành.
- Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn là nền kín khít, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có trần che kín nắng, mưa, có biển cảnh báo và dán nhãn, có trang bị thiết bị PCCC, ứng phó sự cố tràn đổ, đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế của Bộ Y tế.

Thư

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.3.1 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường không có khả năng tái chế

- Dầu mỡ thải: được lưu chứa tại bể tách mỡ có thể tích $2,8 \text{ m}^3$. Thiết kế, cấu tạo của bể tách mỡ: thành và đáy bể bằng bê tông cốt thép chống thấm
- Bùn thải từ bể tự hoại được lưu chứa trong 27 bể tự hoại tại các khoa với tổng thể tích là 400 m^3 . Thiết kế, cấu tạo của bể tự hoại: thành và đáy bể bằng bê tông cốt thép chống thấm.
- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn với thể tích 91 m^3 . Thiết kế, cấu tạo: Thành và đáy bể bằng bê tông cốt thép chống thấm.

2.3.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế

- Diện tích kho: 15 m^2 .
- Vị trí: khuôn viên bệnh viện, phía sau khoa Nội tim mạch
- Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông, mái che, chống nước mưa xâm nhập vào, có dán nhãn cảnh báo đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế của Bộ Y tế.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.4.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị 10 thùng có dung tích 240 lít và 10 thùng có dung tích 660 lít.

2.4.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 29 m^2 .
- Vị trí: tầng trệt, giáp mặt đường Tô Hiến Thành.
- Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông, mái che, chống nước mưa xâm nhập vào, có dán nhãn cảnh báo đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế của Bộ Y tế.

2.5. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công kênh: khi có phát sinh chất thải rắn công kênh, nhân viên thu gom sẽ phân loại riêng, sau đó lưu trữ vào kho chứa chất thải công kênh có diện tích 50 m², rồi chuyển giao cho đơn vị thu mua có chức năng.

2.6 Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải lây nhiễm chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

– Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

– Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số**22**.../GPMT-SNNMT-CCBVMT-KV1
ngày **15** tháng **7** năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-TNMT-QLMT ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng mới hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải của Bệnh viện cấp cứu Trung Vương công suất 1.000 m³/ngày.

Các hạng mục, công trình xây dựng tiếp tục triển khai: hạng mục công trình đang triển khai xây dựng của dự án theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 185/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) về việc đầu tư xây dựng công trình Khối nhà A Bệnh viện Trung Vương.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải y tế hiện hành.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng, quy hoạch, môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6. Thực hiện hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.